

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/8/2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan
- Thư ký phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát Viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14-L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2025, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX ngày 14/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14-L, giữa:

- Nguyên đơn: ông **Bùi C** - sinh năm 1973
Địa chỉ: khu phố Minh Tân 2, xã Phan Rí Cửa, tỉnh L (Địa chỉ cũ: khu phố Minh Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận).
- Bị đơn: bà **Huỳnh Ngô Thị Ngọc T** - sinh năm 1975
Địa chỉ: khu phố Minh Tân 2, xã Phan Rí Cửa, tỉnh L (Địa chỉ cũ: khu phố Minh Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận).
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, về việc ly hôn đề ngày 11/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi C trình bày:**

- Về hôn nhân: ông và bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 1999 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 60; Quyền số: 01/99, ngày 26/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng ra riêng sống tại nhà cha mẹ ruột của ông mua cho vợ chồng ông, thời gian đầu vợ

chồng sống hạnh phúc, càng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T chi tiêu tiền bạc không rõ ràng, không đúng mục đích, nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, hay cãi vã nhau không thể hàn gắn được. Từ tháng 11 năm 2024 ông đã trở về nhà cha mẹ ruột của ông làm ăn sinh sống cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa.

Ông có liên lạc yêu cầu bà T đến Tòa án để giải quyết ly hôn nhưng bà không chịu đi.

Nay ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nữa, cuộc sống vợ chồng đã chấm dứt từ lâu, tại Tòa hôm nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Quang Hưng - sinh ngày 22/4/1999 và Bùi Thị Ngọc Hằng - sinh ngày 29/4/2005, hiện nay các con đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T vắng mặt không lý do.**

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi C được ly hôn với bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T.

- Về con chung: các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác. Xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện: “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-L.

Đối với bà Huỳnh Ngô Ngọc T, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, bà T có mặt tại nơi cư trú, nhưng bà không hợp tác từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và ông C có liên hệ bằng điện thoại với bà T đến Tòa án để giải quyết, nhưng bà T cố tình lẩn tránh không chịu đến Tòa án làm việc, nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Do bị đơn vắng mặt, Tòa án không thu thập được chứng cứ từ phía bị đơn, nên Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: ông Bùi C và bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 1999 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 60, Quyền số: 01/99, ngày 26/11/1999 là tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo ông C khai nại, sau khi kết hôn vợ chồng ra riêng sống tại nhà cha mẹ ruột của ông mua cho vợ chồng ông, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, càng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà T chi tiêu tiền bạc không rõ ràng, không đúng mục đích, nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, hay cãi vã nhau không thể hàn gắn được. Từ tháng 11 năm 2024 ông đã trở về nhà cha mẹ ruột của ông làm ăn sinh sống cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông C xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T nữa, ông C không đồng ý trở lại đoàn tụ và yêu cầu được ly hôn với bà T.

Như vậy, có cơ sở khẳng định đến thời điểm này, hôn nhân giữa ông Bùi C và bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài được nữa, kể từ tháng 11/2024 ông C đã trở về nhà cha mẹ ruột của ông làm ăn sinh sống cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa, nên ông C yêu cầu ly hôn với bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Quang Hưng - sinh ngày 22/4/1999 và Bùi Thị Ngọc Hằng - sinh ngày 29/4/2005, hiện nay các con đã thành niên, nên không xem xét quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: tại phiên tòa hôm nay ông C không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

- *Về hôn nhân:* cho ông Bùi C ly hôn với bà Huỳnh Ngô Thị Ngọc T.

- *Về con chung:* có 02 con đã thành niên

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí:* ông C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí của ông C đã nộp, tại biên lai thu tiền số 0007463 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, nên án phí đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/8/2025). Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án này theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Sơn

Nguyễn Hoàng Bích Loan

Nguyễn Văn Thạch